TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:49/2019/DS-ST
Ngày: 18/4/2019
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **ĐỖ DUY HỪNG**
2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

- Thư ký phiên tòa**:** Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **NGUYỄN THANH BÌNH** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 425/2018/TLST-DS ngày 04/12/2018 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 29/3/2019, giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Anh **NGUYỄN VĂN T,** sinh năm: 1967
Địa chỉ: ấp AT, xã AC, huyện CB , tỉnh TG.
Đại diện ủy quyền cho anh T: Chị **ĐÀO PHƯƠNG L,** sinh năm: 1972
Địa chỉ: ấp AT, xã AC, huyện CB , tỉnh TG.
*<u>*Bị đơn:*</u> Anh **LÊ VĂN T,** sinh năm: 1968
Chị **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm: 1989
Cùng địa chỉ: ấp MCA, xã MH, huyện CB , tỉnh TG.
(Bà L có mặt phiên tòa, anh T và chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, phía nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Nguyên chỗ anh và vợ chồng anh T, chị T là chỗ quen biết, phía anh có cho vợ chồng anh T và chị T vay 03 lần tiền cụ thể như sau: Lần 01 vào ngày 18/01/2015 vay 5.000.000 đồng, lần 02 ngày 28/3/2015 âm lịch và ngày 04/4/2015 âm lịch vay 7.000.000 đồng và lần 03 ngày 26/5/2016 cho vay 8.400.000 đồng. Các lần vay tiền đều có làm biên nhận nợ và chị T có ký tên để xác định công nợ. Như vậy, tổng cộng phía vợ chồng anh T, chị T vay của anh là 20.400.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 06%/tháng thời hạn vay không xác định khi nào anh cần thì sẽ thông báo cho anh T, chị T để hoàn trả lại cho anh, chị T và anh T đóng lãi được vài lần đến ngày 11/12/2017 âm lịch thì ngưng luôn cho đến nay, phía anh nhiều lần đến yêu cầu anh T, chị T trả số tiền nợ nhưng anh, chị không trả. Nay anh khởi kiện yêu cầu anh T, chị T trả lại số tiền nợ gốc là 20.400.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày xét xử, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/02/2019 phía anh T có ý kiến xác định do trong các biên nhận nợ chỉ có phía chị T là người trực tiếp ký tên xác lập công nợ cho anh nên nay anh chỉ yêu

cầu chị T có trách nhiệm trả số tiền nợ là 20.400.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu anh T cùng trách nhiệm trả nợ với chị T, anh xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ 20.400.000 đồng từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày xét xử.

** Bị đơn anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh, chị vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện.*

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là chị Đào Phương L xác định phía nguyên đơn yêu cầu chị T có trách nhiệm trả số tiền nợ là 12.000.000 đồng (theo hai biên nhận nợ xác lập vào ngày 18/01/2015 và 28/3 – 04/4/2015 âm lịch), trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, phía nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc yêu cầu anh T cùng trách nhiệm trả nợ với chị T số tiền nợ là 20.400.000 đồng, nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ 20.400.000 đồng từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày xét xử, nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc yêu cầu chị T trả số tiền nợ là 8.400.000 đồng (theo biên nhận nợ ngày 26/5/2016). Phía bị đơn là anh T và chị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa :

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Nguyên đơn Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn Lê Văn T, Nguyễn Thị T trả số nợ vay là 20.400.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày xét xử. Đến phiên hòa giải ngày 13/02/2019, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả nợ, không yêu cầu đối với anh Lê Văn T vì T không có ký tên vào các biên nhận nợ; Nguyễn Văn T cũng không yêu cầu tính lãi suất; tại phiên xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đào Phương L xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 8.400.000 đồng. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 điều 244 BLTTDS, có căn cứ đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút này. Lê Văn T và Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đã không tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các giấy biên nhận ngày 18/01/2015 (bút lục 52) thì xác định Nguyễn Thị T đã vay của Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng; đối với giấy biên nhận ngày 28/3 âm lịch và ngày 04/4/2015 (bút lục 50) phần nội dung thể hiện: "có cho vợ chồng: Nguyễn Thị T 31t ấp MCA, xã MH CB-TG số tiền Tcộng là 7.000.000 đồng. Bảy triệu đồng lãi suất 6% tháng 1 triệu< theo thỏa thuận hai bên", nội dung giấy biên nhận này không xác định được Nguyễn Văn T cho Nguyễn Thị T vay số tiền là 7.000.000 đồng, chỉ xác định được là có cho số tiền 7.000.000 đồng. Tất cả các giấy biên nhận, giấy nhận nợ trên chỉ có Nguyễn Thị T ký tên. Như vậy chỉ có căn cứ xác định Nguyễn Thị T đã vay Nguyễn Văn T số tiền nợ vay và tiền nợ là 5.000.000 đồng, đối với số tiền nợ vay là 7.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Điều 227; khoản 2 Điều 244 BLTTDS; Điều 463, 466 của BLDS đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn Nguyễn Thị T trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng :***

- Phía bị đơn anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T, chị T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn T với anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[2] ***Về nội dụng vụ kiện :***

Phía nguyên đơn xác định phía bị đơn vay 02 lần tiền của phía nguyên đơn và có xác lập 02 biên nhận nợ như sau: lần 01 vào ngày 18/01/2015 vay 5.000.000 đồng, lần 02 ngày 28/3/2015 âm lịch và ngày 04/4/2015 âm lịch vay 7.000.000 đồng (trong biên nhận này do phía nguyên đơn ghi thiếu chữ vay chỉ ghi là cho là do thiếu sót chứ thực chất là cho vay tiền và cả hai bên có thỏa thuận lãi suất), như vậy tổng cộng phía bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền là 12.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 06%/tháng, thời hạn vay không xác định, phía bị đơn có đóng lãi đến 11/12/2017 âm lịch thì ngưng, phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ nhưng phía bị đơn hẹn lần hẹn lượt không thanh toán. Các lần vay tiền thì phía chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp ký tên để xác lập công nợ cho nguyên đơn, còn phía anh Lê Văn T không có ký. Nay nguyên đơn xác định phía chị T là người trực tiếp xác lập công nợ cho nguyên đơn nên yêu cầu chị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Qúa trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu anh Lê Văn T liên đới cùng trách nhiệm với chị Nguyễn Thị T trả số tiền nợ là 20.400.000 đồng, phía nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh T, chị T cùng trách nhiệm trả phần tiền lãi theo quy định pháp luật trên phần nợ 20.400.000 đồng (lãi tính từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày xét xử), tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn xin rút lại yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả phần tiền nợ là 8.400.000 đồng (theo biên nhận nợ ngày 26/5/2016). Còn phía bị đơn anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận nợ đề vào các ngày 18/01/2015 (thể hiện chị T vay 5.000.000 đồng); ngày 28/3/2015 âm lịch và ngày 04/4/2015 âm lịch (trong biên nhận thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn 7.000.000 đồng nhưng cuối biên nhận có thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất tức đây là giao dịch vay tài sản xác lập giữa hai bên), hai biên nhận nợ nêu trên do phía chị Nguyễn Thị T trực tiếp ký tên xác lập công nợ với tổng số tiền nợ theo 02 biên nhận là 12.000.000 đồng, phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu phía bị đơn hoàn trả lại số tiền nợ cho nguyên đơn nhưng đến nay phía bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai người làm chứng là ông Trần Văn M (Trưởng ấp MCA, xã MH) thì phía ông xác định phía bị đơn có biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp giữa các bên nhưng ông không biết vì sao phía bị đơn không đến tòa, xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý và các tài liệu chứng cứ cho bị đơn, đồng thời niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho phía bị đơn thông báo về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do và không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện xem như phía bị đơn tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chị Nguyễn Thị T trả số tiền nợ là 12.000.000 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn (đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là chị Đào Phương L) có ý kiến: xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu anh Lê Văn T cùng trách nhiệm với chị Nguyễn Thị T trả số tiền nợ là 20.400.000 đồng, xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên số tiền nợ là 20.400.000 đồng từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày xét xử, đồng thời xin rút lại yêu cầu về việc yêu cầu chị Trang trả phần tiền nợ là 8.400.000 đồng (theo biên nhận nợ ngày 26/5/2016). Xét thấy đây là sự tự nguyện

của phía nguyên đơn (đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là chị Đào Phương L) phù hợp theo quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] ***Về án phí***

Chị T có trách nhiệm trả nợ cho anh T nên chị phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng đối với biên nhận nợ ngày 28/3/2015 âm lịch và ngày 04/4/2015 âm lịch phía nguyên đơn cho rằng bị đơn nợ 7.000.000 đồng là không có căn cứ xem xét bởi lẽ trong nội dung giấy biên nhận thể hiện là nguyên đơn cho bị đơn 7.000.000 đồng chứ không thể hiện rõ là cho bị đơn vay là 7.000.000 đồng nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu này của phía nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù trong giấy biên nhận ngày 28/3/2015 âm lịch và ngày 04/4/2015 âm lịch do nguyên đơn cung cấp không thể hiện rõ câu chữ là cho bị đơn vay, tuy nhiên cuối biên nhận có thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất điều đó chứng tỏ bản chất của biên nhận này là nguyên đơn cho bị đơn vay 7.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận lãi suất với nhau, mặc khác tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn cũng xác định giữa nguyên đơn và bị đơn không có quan hệ thân thuộc và cũng không ai cho tiền mà làm biên nhận có thỏa thuận lãi, do đó đối với ý kiến của đại diện viện kiểm sát là không có căn cứ xem xét chấp nhận, đối với các ý kiến còn lại của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 217, 227, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T (đại diện ủy quyền cho anh T là chị Đào Phương L).

Buộc chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T (đại diện ủy quyền cho anh T là chị Đào Phương L) về việc yêu cầu anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T trả phần tiền lãi suất theo quy định pháp luật trên phần nợ 20.400.000 đồng (lãi tính từ ngày 11/12/2017 âm lịch đến ngày 18/4/2019).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T (đại diện ủy quyền cho anh T là chị Đào Phương L) về việc yêu cầu anh Lê Văn T cùng trách nhiệm với chị Nguyễn Thị T trả số tiền là 20.400.000 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T (đại diện ủy quyền cho anh T là chị Đào Phương L) về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị T trả số tiền là 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên nhận ngày 26/5/2016.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị T chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí

+ Chị Nguyễn Thị T phải chịu 600.000 đồng án phí DSST.

+ Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn T 510.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09454 ngày 04/12/2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

* Về quyền kháng cáo: Anh T (đại diện ủy quyền cho anh T là chị L) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T và chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH